

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 4 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan.

2. Bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2023/QĐXX- ST ngày 20 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1983- Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1979- Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và đăng ký kết hôn tại xã B, huyện P, tỉnh B vào ngày 31/8/2005. Sau khi về chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và ảnh hưởng nghiêm trọng chuyện kinh tế gia đình, thường xuyên cãi vã nhau, nên hiện nay không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau nữa, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ tháng 11 năm 2018 cho đến nay.

Hiện nay bà Hoàng Thị T đã mang cháu Phạm Thị Phương T, sinh năm 01/09/2005 đi làm ăn. Còn cháu Phạm Hoàng Quốc H, sinh ngày 18/05/2013 đang do ông Phạm Văn S nuôi dưỡng.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nguyện vọng của bà Hoàng Thị T xin được ly hôn với ông Phạm Văn S.

Về con chung: bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S có 02 con chung là: cháu Phạm Thị Phương T; sinh ngày 01/09/2005 và cháu Phạm Hoàng Quốc H sinh ngày 18/05/2013.

Sau khi ly hôn bà Hoàng Thị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phạm Thị Phương T cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi và giao cháu Phạm Hoàng Quốc H cho ông Phạm Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng cho bên nào.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 24/02/2023, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/3/2023 bị đơn ông Phạm Văn S trình bày:*

Hiện nay bà Hoàng Thị T đang làm đơn xin ly hôn với ông Phạm Văn S, Tòa án huyện Krông Pắc mời ông Phạm Văn S lên tòa để giải quyết vụ án ly hôn với bà Hoàng Thị T. Tuy nhiên, do nhiều công việc bận ông Phạm Văn S không thể lên Tòa làm việc được. Ông Phạm Văn S xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2018, bà T đã mang bé gái Phạm Thị Phương T, sinh năm 01/09/2005 đi ra ngoài tỉnh phía bắc làm ăn, ông S và bà T cũng đã không còn tình cảm với nhau nữa.

Nay bà T xin ly hôn, thì ông S cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho bà T và ông S ly hôn.

Về con chung thì hiện nay bà T đã dẫn cháu Phạm Thị Phương T ra ngoài tỉnh phía bắc, nên đề nghị giao cháu T cho bà T nuôi. Còn hiện nay ông S đang nuôi cháu Phạm Hoàng Quốc H. Nên đề nghị Tòa án giao cháu H cho ông S nuôi.

Về tài sản chung, nợ chung: ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay ông S không lên Tòa án làm việc được, nên ông S xin được vắng mặt tại

tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và phúc thẩm nếu có.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX, Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn S.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Phương T; sinh ngày 01/09/2005 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi. Giao cháu Phạm Hoàng Quốc H, sinh ngày 18/05/2013 cho ông Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S không yêu cầu, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S không yêu cầu, nên đề nghị HĐXX không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị T đề ngày 27/01/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm bà Hoàng Thị T làm đơn khởi kiện, bị đơn ông Phạm Văn S, cư trú tại, Thôn P, xã V, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa

án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T và bị đơn ông Phạm Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông S là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước vào ngày 31/8/2005, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S cùng thừa nhận: Sau khi cưới thì vợ chồng về chung sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và ảnh hưởng nghiêm trọng chuyện kinh tế gia đình, thường xuyên cãi vã nhau, nên hiện nay không còn tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau nữa, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Hiện nay bà Hoàng Thị T đã mang cháu Phạm Thị Phương T, sinh năm 01/09/2005 đi làm ăn. Còn cháu Phạm Hoàng Quốc H, sinh ngày 18/05/2013 đang do ông Phạm Văn S nuôi dưỡng.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Mặc dù chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S, vì ông bà không khai báo với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, chính quyền địa phương xác định bà T và ông S không còn chung sống với nhau nữa, bà T đã mang cháu Phạm Thị Phương T đi làm ăn. Còn cháu Phạm Hoàng Quốc H đang do ông S nuôi dưỡng.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian đã lâu, mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Hoàng Thị T, cho bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S có 02 con chung là cháu Phạm Thị Phương T, sinh ngày 01/09/2005 và cháu Phạm Hoàng Quốc H, sinh ngày 18/05/2013. Hiện nay cháu Phạm Thị Phương T đang ở với bà T, còn cháu Phạm Hoàng Quốc H đang ở với ông S.

Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S cùng có nguyện vọng sau khi ly hôn bà Hoàng Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phạm Thị Phương T; sinh ngày 01/09/2005 cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi; ông Phạm Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Phạm Hoàng Quốc H, sinh ngày 18/05/2013 cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi.

Xét thấy nguyện vọng của bà T và ông S là chính đáng, đảm bảo cho sự phát triển của con chung, phù hợp với quy định của pháp luật, đây cũng chính là nguyện vọng của cháu T muốn ở với mẹ, cháu H muốn ở với bố. Vì vậy, cần giao cháu Phạm Thị Phương T; sinh ngày 01/09/2005 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi và giao cháu Phạm Hoàng Quốc H, sinh ngày 18/05/2013 cho ông Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi.

Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[4] Về án phí: bà Hoàng Thị T là người đồng bào dân tộc thiểu số (Tày), sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nên HĐXX miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Hoàng Thị T.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị T được ly hôn với ông Phạm Văn S.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Phương T; sinh ngày 01/09/2005 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi. Giao cháu Phạm Hoàng Quốc H, sinh ngày 18/05/2013 cho ông Phạm Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho tới lúc cháu tròn 18 tuổi.

Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S không yêu cầu phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Hoàng Thị T và ông Phạm Văn S không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về án phí: Miễn toàn án phí cho nguyên đơn bà Hoàng Thị T.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị T, bị đơn ông Phạm Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã B;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Chu Anh Hùng